

Bản án số: 46/2022/DS - PT
Ngày: 30 - 8 - 2022
“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đức Long

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Nghĩa

Ông Võ Bá Lưu

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Kiều Oanh - Cán bộ TAND tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình: Bà Đặng Thị Kim Thủy
– Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 8 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 35/2022/TLPT- TC ngày 17 tháng 6 năm 2022, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

Do bản án Dân sự sơ thẩm số 02/2022/TCDS-ST ngày 05/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1834/2022/QĐ-PT ngày 10/8/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng C

Địa chỉ: Tòa nhà C55, Khu B, phường H, quận H, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T – Tổng giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tiến H – Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện Q (theo Quyết định ủy quyền số 7300/QĐ-NHCS ngày 19/9/2019 của Tổng giám đốc Ngân hàng C),

Người được ủy quyền lại: Bà Trần Thị Thu Nga – Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện Q, (theo văn bản ủy quyền số 10/NHCSQT-UQ ngày 05/01/2022 của Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện Q) có mặt.

2. Bị đơn: Ông Phan Xuân H, sinh năm: 1970

Địa chỉ: Thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q. Vắng mặt (xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 28/6/2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng C Nam trình bày:

Ngày 21/3/2005 ông Phan Xuân H đã đứng ra làm chủ dự án nhóm hộ gia đình, vay vốn chương trình cho vay giải quyết việc làm với số tiền 30.000.000 đồng từ Ngân hàng C, theo Quyết định cho vay vốn số 538/QĐ-UB ngày 18/3/2005 của Chủ tịch UBND huyện Q. Dự án gồm hai hộ gia đình là ông Phan Xuân H và ông Phan Xuân T.

Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện Q đã giải ngân cho hộ ông Phan Xuân H số tiền 15.000.000 đồng, theo chương trình cho vay giải quyết việc làm. Trong đó, đối với hộ ông Phan Xuân H, căn cứ theo Hợp đồng tín dụng số 202A/HĐ-TD ngày 31/3/2002 (mã món vay 6000003000011804) số tiền vay là 15.000.000 đồng, chương trình giải quyết việc làm, lãi suất 0,5%/tháng, hạn trả cuối cùng ngày 21/3/2008.

Tài sản bảo đảm tiền vay: Có giấy cam kết bảo lãnh bằng tín chấp của Chủ tịch UBND xã Q, sau này chuyển qua do Hội nông dân xã Q nhận ủy thác.

Đến hạn trả nợ nhưng ông H vẫn không chấp hành nghĩa vụ trả nợ. Để thu hồi vốn, đại diện cho Ngân hàng C đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Phan Xuân H phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm 05/5/2022 là 37.853.218 đồng, trong đó nợ gốc 15.000.000 đồng và nợ lãi là 22.853.218 đồng và phải tiếp tục trả khoản tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong tiền nợ.

Tại bản tự khai và tại phiên tòa bị đơn ông Phan Xuân H trình bày:

Ông thừa nhận có vay vốn tại Ngân hàng C xã hội huyện Q theo hợp đồng tín dụng xác lập ngày 21/3/2005 với tiền gốc, lãi suất, kỳ hạn trả nợ như đại diện Ngân hàng đã trình bày. Ông H đồng ý với số nợ gốc và lãi mà phía đại diện Ngân hàng C

yêu cầu tại phiên tòa với tổng số tiền là 37.853.218 đồng, trong đó nợ gốc 15.000.000 đồng và nợ lãi là 22.853.218 đồng. Mục đích vay là để chăn nuôi bò sinh sản theo dự án hỗ trợ việc làm. Quy trình vay vốn đúng quy định pháp luật, có giấy cam kết bảo lãnh bằng tín chấp ngày 21/3/2005 và có phiếu thẩm định dự án ngày 16/3/2005. Theo đó, ông H có trang trại để chăn nuôi và có kỹ thuật để chăn nuôi bò sinh sản. Tuy nhiên, do hiện nay gia đình gặp hoàn cảnh khó khăn nên ông xin phía Ngân hàng tạo điều kiện về thời gian cho gia đình ông trả nợ.

Bản án số 02/2022/TCDS-ST ngày 05/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Q đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 464, Điều 465, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 90, Điều 91, Điều 94 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng C, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” đối với bị đơn ông Phan Xuân H.

Buộc ông Phan Xuân H phải trả nợ cho Ngân hàng C số tiền gốc và lãi là 37.853.218 đồng, trong đó nợ gốc 15.000.000 đồng và nợ lãi là 22.853.218 đồng tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 05/5/2022).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 17/5/2022, ông Phan Xuân H có đơn kháng cáo với nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng C trình bày cụ thể quá trình vay vốn ngân hàng có đi thẩm định trang trại vào ngày 16/3/2005 nhưng không ghi vào bản án. Có giấy cam kết bảo lãnh bằng tín dụng ngày 21/3/2005 của Chủ tịch UBND xã Q và các giấy tờ có liên quan hồ sơ vay vốn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn vẫn giữ nguyên kháng cáo, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau trong việc giải quyết vụ án và yêu cầu Tòa án xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Trong quá trình tiến hành tố tụng, giải quyết vụ án người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự

- Về nội dung: Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình áp dụng điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Ngày 05/5/2022, Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch xét xử sơ thẩm vụ án, đến ngày 17 tháng 5 năm 2022 bị đơn ông Phan Xuân H làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm. Đơn kháng cáo trong hạn luật định, nội dung, hình thức đúng quy định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, căn cứ Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án được xét xử phúc thẩm.

[2]. Xét kháng cáo của ông H về việc quá trình thẩm định, hồ sơ vay vốn của Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện Q thấy rằng: Căn cứ quyết định số 538/QĐ-UB ngày 18/3/2005 của UBND huyện Q về việc cho dự án nuôi bò sinh sản của ông Hợp được vay vốn quỹ quốc gia hỗ trợ việc làm vòng 1; Giấy đề nghị vay vốn hỗ trợ việc làm ngày 27/2/2005 của ông Phan Xuân H; Phiếu thẩm định dự án ngày 16/3/2005; Ngày 21/03/2005 Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện Quảng Trạch đã giải ngân cho ông Phan Xuân H vay số tiền 15.000.000 đồng, chương trình cho vay giải quyết việc làm, hợp đồng tín dụng số 6000003000011804, lãi suất 0,5%/tháng, hạn trả nợ cuối cùng ngày 21/3/2008. Như vậy, quá trình thực hiện cho vay vốn đối với ông Phan Xuân H được thực hiện theo đúng quy định pháp luật.

Xét lời trình bày của ông H về việc có thẩm định trang trại của ông nhưng bản án sơ thẩm không đề cập, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy, theo biên bản ngày 16/3/2005, Ngân hàng thẩm định mục đích là xác định dự án vay vốn của người vay theo trình tự, thủ tục vay vốn, không phải thẩm định tài sản của ông Phan Xuân H để thế chấp đảm bảo cho khoản vay nên cấp sơ thẩm không xem xét là phù hợp.

[3]. Xét kháng cáo của ông H về việc vay vốn của ông được UBND xã Q bảo lãnh bằng giấy cam kết bảo lãnh bằng tín chấp ngày 21/3/2005. Tại mục 3. của giấy bảo lãnh có nội dung: *“Chúng tôi cam kết có trách nhiệm đôn đốc các hộ sử dụng vay vốn đúng mục đích, hoàn trả nợ đầy đủ nợ vay (cả tiền gốc và lãi) đúng hạn cho ngân hàng C huyện Q. Nếu các hộ không trả đúng hạn chúng tôi có biện pháp đôn đốc các hộ tìm nguồn để trả cho ngân hàng C huyện Q”*.

Xét vai trò của UBND xã Q trong việc bảo lãnh cho khoản vay của ông Phan Xuân H: UBND xã Q bảo lãnh bằng tín chấp cho công dân có hộ khẩu cư trú tại địa

phương để vay vốn giải quyết việc làm và có trách nhiệm đôn đốc các hộ sử dụng vốn vay đúng mục đích, hoàn trả đầy đủ nợ vay (cả tiền gốc và lãi) đúng hạn cho Ngân hàng C huyện Q chứ không bảo lãnh về khoản nợ vay cho ông Phan Xuân H tại Ngân hàng C.

Vì vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Phan Xuân H phải trả nợ cho Ngân hàng C số tiền 37.853.218 đồng bao gồm gốc và lãi là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm ông H không cung cấp thêm chứng cứ gì mới nên Tòa án cấp phúc thẩm không có cơ sở để chấp nhận đơn kháng cáo của ông.

[4]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do Tòa án xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Phan Xuân H nên theo khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí Tòa án, ông Phan Xuân H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các điều 463, 464, 465, 466 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng các điều 90, 91, 94 và 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010;

Áp dụng khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Phan Xuân H, giữ nguyên toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 05/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, cụ thể:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng C, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” đối với bị đơn ông Phan Xuân H.

Buộc ông Phan Xuân H phải trả cho Ngân hàng C số tiền gốc và lãi là 37.853.218 đồng, trong đó nợ gốc 15.000.000 đồng và nợ lãi là 22.853.218 đồng tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 05/5/2022).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong các hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà

khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí:

2.1 Án phí dân sự sơ thẩm: ông Phan Xuân H phải chịu 1.893.000 đồng;

2.2 Án phí dân sự phúc thẩm: ông Phan Xuân H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ vào số tiền mà ông Phan Xuân H đã nộp tại biên lai số 31AA/2021/0002050 ngày 18/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9, 7a, 7b Luật thi hành án dân sự năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 30/8/2022).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- TAND huyện Quảng Trạch;
- Cục THA DS tỉnh Quảng Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Trần Đức Long

